

**TÒA ÁNNHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06/11/2018

*"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Oanh
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Chuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dạ Lan là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lượng - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2018 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXX-ST ngày 18 tháng 10 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2018/QĐST-DS, ngày 02/11/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1982 *"có mặt"*
2. *Bị đơn:* Chị Lục Thị T, sinh năm 1981 *"có mặt"*

Đều trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/8/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Hoàng Văn T trình bày: Anh và chị Lục Thị T tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện B, tỉnh H vào năm 2003, trên cơ sở tự nguyện của cả đôi bên. Sau khi kết hôn anh chị về sống cùng bố mẹ anh T tại thôn Đ, xã H, huyện B được 2 năm, sau đó anh chị ra ở riêng. Thời gian đầu anh chị chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2014, mâu thuẫn vợ chồng phát

sinh, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, chị T tự ý vay nợ dẫn đến hai vợ chồng xô sát, cãi nhau, chị T đã xé giấy đăng ký kết hôn và bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống, sau đó lại trở về nhà. Mâu thuẫn giữa hai anh chị diễn ra thường xuyên, trong một thời gian dài và đã được thôn, gia đình, bạn bè khuyên giải nhiều lần nhưng quan hệ vợ chồng anh chị vẫn không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên đến tháng 02/2018, anh chị sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau, việc ai người đẩy làm. Anh T nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị T.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là chị Lục Thị T trình bày: Chị xác nhận việc anh chị kết hôn, tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị đúng như lời trình bày của anh T. Theo chị thời điểm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là từ năm 2009, nguyên nhân do chị vay nợ nhiều để làm nhà dẫn đến anh chị xô sát, cãi vã, đánh đập nhau. Nay anh T có yêu cầu ly hôn, chị chỉ nhất trí nếu anh T trả hết các khoản nợ mà chị đã vay làm nhà.

Về con chung: Anh Hoàng Văn T và chị Lục Thị T đều khai nhận quá trình chung sống, anh chị có hai con chung, cháu Hoàng Nguyệt N, sinh ngày 20/02/2004 và cháu Hoàng Quốc N, sinh ngày 19/02/2014. Khi ly hôn anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu N, giao cháu Hoàng Quốc N cho chị T nuôi dưỡng và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con, còn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/ 1 cháu/ tháng.

Về chia tài sản, công nợ chung: Anh Hoàng Văn T và chị Lục Thị T tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang với ông Hoàng Văn H là bố đẻ anh Hoàng Văn T, chị Ma Thị N là Chủ tịch phụ nữ xã H, chị Lừu Thị L là hàng xóm liền kề nhà anh T, chị T, đại diện UBND xã H, bí thư thôn Đ nơi anh T, chị T sinh sống phản ánh về tình trạng hôn nhân của anh chị như sau:

Anh Hoàng Văn T và chị Lục Thị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào năm 2003. Sau khi kết hôn, anh chị có thời gian ngắn chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị T vay nợ ngoài nhiều và không biết chi tiêu dẫn đến anh chị xô sát, cãi vã nhau. Mâu thuẫn giữa hai anh chị diễn ra trong thời gian dài đã được thôn, hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng quan hệ hôn nhân của anh chị vẫn không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị không quan tâm gì đến nhau, việc ai người đẩy làm, anh T làm ruộng có mức thu nhập từ 3 triệu đến 5 triệu đồng/ tháng, còn chị T là giáo viên có mức thu nhập khoảng 8 triệu/ tháng; anh chị đã có nhà riêng. Nếu anh chị ly hôn thì mỗi người một đứa con sẽ đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu tốt hơn.

Tòa án đã tiến hành hoà giải vào ngày 11/9/2018, ngày 15/10/2018 nhưng không thành. Do đó Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin được ly hôn, còn chị T không nhất trí; về con chung, nếu ly hôn anh T có nguyện vọng mỗi người nuôi một cháu, còn chị T có nguyện vọng nuôi cả hai cháu và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho mỗi cháu là 2.000.000 đồng/ tháng; về tài sản chung anh chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử cho anh Hoàng Văn T được ly hôn chị Lục Thị T; về việc nuôi con chung đề nghị HĐXX, giao cháu Hoàng Nguyệt N, sinh ngày 20/02/2004 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, giao cháu Hoàng Quốc N, sinh ngày 19/02/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Hoàng Quốc N đủ 18 tuổi; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung; về án phí đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn là anh Hoàng Văn T có đơn khởi kiện “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” với bị đơn là chị Lục Thị T, mà chị Lục Thị T cư trú tại thôn Đ, xã H, huyện B theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Hoàng Văn T và chị Lục Thị T xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị có thời gian chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, chị T vay nợ nhiều dẫn đến anh chị xô sát, cãi vã nhau. Mâu thuẫn giữa hai anh chị diễn ra trong thời gian dài đã được thôn, hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng quan hệ hôn nhân của anh chị vẫn không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị không quan tâm đến nhau, việc ai người đẩy làm. Quá trình giải quyết vụ án anh T cương quyết xin được ly hôn, còn chị T không nhất trí nhưng chị T cũng không đưa ra biện pháp cải thiện quan hệ vợ chồng. Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng anh T vẫn không quay về

đoàn tụ mà cương quyết xin ly hôn chị T. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Hoàng Văn T được ly hôn chị Lục Thị T.

[2.2] *Về việc nuôi con*: Quá trình chung sống, anh Hoàng Văn T và chị Lục Thị T có hai con chung là cháu Hoàng Nguyệt N, sinh ngày 20/02/2004 và cháu Hoàng Quốc N, sinh ngày 19/02/2014. Anh chị có 2 con chung và khi ly hôn cùng có yêu cầu nuôi con, yêu cầu nuôi con của anh chị đều xuất phát từ tình cảm, vì lợi ích của các con; anh có mức thu nhập từ làm ruộng và lao động tự do khoảng 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/ tháng, còn chị T có mức thu nhập ổn định từ lương khoảng 8.000.000 đồng/ tháng; khi anh chị ly hôn cháu Hoàng Nguyệt N lại có nguyện vọng ở với bố. Vì vậy căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Hoàng Nguyệt N, sinh ngày 20/02/2004 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, giao cháu Hoàng Quốc N, sinh ngày 19/02/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Hoàng Quốc N đủ 18 tuổi; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về chia tài sản chung*: Anh chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.4] Ngoài ra nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, khoản 1, 2 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Văn T được ly hôn chị Lục Thị T.

2. Về nuôi con: Xử giao cháu Hoàng Nguyệt N, sinh ngày 20/02/2004 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Hoàng Nguyệt N đủ 18 tuổi, giao cháu Hoàng Quốc N, sinh ngày 19/02/2014 cho chị Lục Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Hoàng Quốc N đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0000578, ngày 17/8/2018 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã H;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Hồng